

BIỂN - BIỂU TƯỢNG CỦA VŨ TRỤ TRONG THƠ HUY CẬN

ĐỖ KIỀU ANH

Tóm tắt

Hồn thơ Huy Cận là một hồn thơ mang linh hồn trời đất và mang nặng tình người, tình đời, tình yêu sự sống. Nhà thơ luôn tâm niệm “Cảm quan về vũ trụ và cảm quan về xã hội là hai cánh của thơ, không thể bay bằng một cánh”. Trên hành trình đi từ **Lửa thiêng** đến **Lời tâm nguyện cùng hai thế kỷ**, bên cạnh tấm lòng với cuộc đời thì tấm lòng với vũ trụ luôn là nỗi nhớ, nỗi ám ảnh thường trực trong hồn thơ Huy Cận. Thường trực những xúc cảm vũ trụ trong hồn mình, Huy Cận không thể không tìm đến với cái rộng xa, dạt dào của biển. Bản thân biển chưa phải là vũ trụ nhưng nó được thi nhân nhìn ngắm, cảm nhận bằng một cảm quan vũ trụ rộng lớn. Và vì vậy, những hình ảnh về biển vừa mang ý nghĩa tạo dựng không gian vô cùng vừa mang ý nghĩa vĩnh hằng của sự sống, thiên nhiên và vũ trụ. Chúng vừa là những tín hiệu của vũ trụ, vừa là biểu tượng nghệ thuật thể hiện tư duy nghệ thuật độc đáo của nhà thơ.

Trong nền văn học Việt Nam hiện đại, Huy Cận là một tác gia lớn. Với tập thơ đầu tay **Lửa thiêng** (1940), Huy Cận đã góp vào phong trào Thơ mới một tiếng thơ không thể thiếu, một hồn thơ luôn hướng tới vẻ đẹp hài hòa và một phong cách đặc sắc đã được định hình rõ nét. Sau cách mạng, Huy Cận vẫn gieo hạt đều tay và cho ra đời nhiều tập thơ có giá trị cả về tư tưởng và nghệ thuật. Hơn 60 năm cầm bút, từ **Lửa thiêng** đến **Lời tâm nguyện cùng hai thế kỷ**, ông đã để lại một gia tài thơ khá đồ sộ: hơn 20 tập thơ. Đi cùng với những bước thăng trầm của lịch sử dân tộc, Huy Cận luôn chứng tỏ được một bút lực dồi dào và tiềm năng sáng tạo to lớn của mình.

1. Vũ trụ trong thơ Huy Cận

Trong tiểu luận **Hai cực của thơ**, Huy Cận viết “Con người sống trong vũ trụ và sống trong xã hội, sống với vũ trụ và sống với xã hội. Một thành viên của vũ trụ và một thành viên của loài người. Hai cực của cuộc sống, hai cực của tư tưởng, hai cực của nghệ thuật, hai cực của thơ” (2, tr.352). Ông còn nhấn mạnh thêm: “Cảm quan về vũ trụ và cảm quan về xã hội là hai cánh của thơ, không thể bay bằng một cánh”. Những suy nghĩ này đã được thể hiện nhất quán trong toàn bộ sự nghiệp sáng tác thơ Huy Cận. Ngay từ **Lửa thiêng**, Xuân Diệu đã khẳng định: “Linh hồn Huy Cận là một linh hồn trời đất; nói thế không sai đâu! Xem suốt tập **Lửa thiêng** cái cảm giác trội nhất của ta là một cảm giác không gian” (5, tr.10). Và từ cảm giác không gian ấy, Huy Cận mở ra thành cảm quan vũ trụ, một nguồn mạch cảm hứng lớn song song với cảm hứng về cuộc đời trong suốt hành trình sáng tạo thơ ông. Nếu như với nữ thi sĩ của tình yêu - Xuân Quỳnh: “Lòng em nhớ đến anh – Cả trong mơ còn thức” thì với Huy Cận, vũ trụ chính là nỗi nhớ thường trực ở trong ông.

Chiếc võng thơ Huy Cận nêu một đầu mang nặng tình người, tình đời thì đầu kia mang nặng một tấm lòng vũ trụ. Đây là quan niệm của nhà thơ, “*Thơ như chiếc võng ta treo – Đầu theo vũ trụ, đầu theo loài người*” và cũng là những gì mà các nhà nghiên cứu nhận thấy trong thơ ông: “*Vũ trụ và cuộc đời luôn song hành tồn tại và trở thành hai cực hấp dẫn hồn thơ Huy Cận trong hành trình sáng tạo*” (12, tr.22). Rất nhiều bài phê bình nghiên cứu về thơ Huy Cận cả ở trong nước và ngoài nước đã nhận định cảm hứng vũ trụ là một trong những yếu tố cơ bản tạo nên nét đặc sắc của hồn thơ và phong cách thơ Huy Cận.

2. Biển – biểu tượng của vũ trụ trong thơ Huy Cận

Hệ thống hình ảnh trong thơ ngoài ý nghĩa tạo hình còn có ý nghĩa biểu hiện. Nhà thơ dùng hình ảnh để miêu tả bức tranh đời sống và bức tranh thiên nhiên đồng thời cũng biểu hiện tâm trạng, suy nghĩ của mình trước đời sống hiện thực. Qua hệ thống hình ảnh quen thuộc, nhà thơ bộc lộ cách cảm, cách nghĩ của mình hay nói cách khác là bộc lộ kiểu tư duy nghệ thuật độc đáo của mình.

Nhà thơ Tố Hữu thường dùng các hình ảnh mặt trời chói lọi, ánh sáng chói chang, con đường tỏa về mọi ngả để nói lên ánh sáng lý tưởng và con đường cách mạng. Xuân Diệu hay lấy hình ảnh mùa xuân phấp phồng nhựa sống để nói về tuổi trẻ và tình yêu. Nguyễn Bính lại thích trở về với giàn trầu, hàng cau, dậu mùng tơi, cây đa, bến nước, con thuyền... để hát những bài thôn ca tình tứ đậm đà. Huy Cận cũng có một hệ thống những hình ảnh quen thuộc. Ông viết nhiều về nhựa, hạt, mầm, nụ, hoa lá, nghĩa là toàn bộ sự sống cỏ cây. Bên cạnh đó, tất cả những hình ảnh, tín hiệu của vũ trụ cũng trở thành phương tiện, thành một thứ chất liệu, thành những ẩn dụ nghệ thuật để nhà thơ thể hiện niềm khát vọng chiếm lĩnh không gian và cảm hứng vũ trụ thường trực trong hồn mình. Cái vũ trụ luôn gợi niềm thao thức trong hồn người ấy có khi được thi nhân gọi đích danh: “*Hình ảnh lung linh vũ trụ tàn;*”; “*Vui chung vũ trụ nguôi sầu nhân gian*”; “*Ta gặp hồn ta trong vũ trụ*”; “*Vũ trụ ơi, nôi ấm của người*”... Có khi lại hiện diện qua một hệ thống các hình ảnh: bầu trời, trăng, sao, gió, biển, mặt trời... Và biển chính là một hình ảnh – biểu tượng tiêu biểu của vũ trụ trong thơ Huy Cận.

Nếu như với Xuân Diệu và Xuân Quỳnh, sức sống và cái dạt dào không mỏi của biển là hiện thân của tình yêu mãnh liệt, thì với Huy Cận biển là quê hương của sự sống, là người anh em song sinh, là tình yêu máu thịt. Đúng như Vũ Quần Phương đã nói: “*Hình như trong cõi mang mang của hồn người đó có một khoảng rộng sẵn để cộng hưởng với biển, với vô biên*” (8, tr.155). Và Huy Cận cũng tự bộc bạch: “*Mỗi lần đi dọc bờ biển, ta lại có một xao động kỳ lạ trong người: nửa thấy đời đang tiếp tục nảy sinh, dạt dào vô tận; nửa lại thấy như sự sống đã cổ, đã vững chãi, yên đảm*” (*Đi dọc bờ biển – thơ văn xuôi*) (3, tr.11). Và chính những “*xao động kỳ lạ*” ấy đã sống, đã lớn trong hồn nhà thơ để luôn khơi gợi, thức dậy trong ông một nguồn cảm hứng dồi dào và thường trực: ***Cảm hứng vũ trụ.***

2.1. Biển trong thơ Huy Cận trước cách mạng

Thơ Huy Cận trước cách mạng, trong *Lửa thiêng* chưa có sự xuất hiện của biển. Biển có được nhắc đến trong câu thơ: “*Hiu hiu gió đẩy thuyền trên biển trời*”, nhưng biển ở đây chưa phải là biển thực. Nó chỉ như một khái niệm về sự rộng xa để nhà thơ hình dung về cái rộng xa của bầu trời mà thôi. Đến *Vũ trụ ca*, biển đã xuất hiện với nhiều dáng vẻ và sắc màu hơn. Cùng với một vũ trụ vui say rạo rức, biển cũng hân hoan trong cái hân hoan của đất trời và lòng người:

Biển vàng triều chẳng liệt

Sóng rủ nhau đi bát ngát cười (Xuân hành)

Biển đẹp rực rỡ và khoáng đạt hơn trong buổi *Sơ khai*:

Trời xanh ran lá biếc

Biển chóa ngập buồm vàng

Gió thổi miền bát diết

Mây tạnh đất hồng hoang

Trước biển, thi nhân như “cân” được vui buồn của muôn kiếp người: “*Lượng vui muôn kiếp cân đầu sóng – Biển rủ rê lòng nhập cuộc say*” (*Lượng vui*); nghe được những âm thanh thao thiết của sự sống vĩnh hằng trong lòng tạo vật:

Nằm trong lòng đất xuôi nghe biển

Án ái xôn xao triều hiển hiện

Biển gọi tha thiết đất khóc òa:

Suối xuống triều lên đời bao la. (Suối)

Nhưng thi nhân cũng cảm thấy rợn ngợp trước cái rộng lớn của biển khi trở về với hiện thực bơ vơ giữa cõi đời:

Tôi nhớ băng quơ những chiếc hồn

Cô sầu biển rộng, đảo con con

Thuyền không giao nối đây qua đó

Vạn thuở chờ mong một cánh buồm. (Đảo)

Biển vì thế mà cũng chột sần, chột như rộng thêm hơn. Cả những hòn đảo nữa, bỗng trở nên bé nhỏ “*con con*” giữa không gian rộng lớn mà chia cắt của biển.

Như vậy, mặc dù sang *Vũ trụ ca*, biển hiện lên đã có dáng vẻ nhưng như Xuân Diệu nói: “...vẫn còn thiếu hơi biển thật, chưa phải đã là cái biển nó trước hết là Nó” (1, tr.57). Cảm hứng về biển mới chỉ xuất phát từ một biển xa xôi nào đó chứ chưa phải xuất phát

từ những cảm nhận trước biển thực. Tuy nhiên, có một điều vô cùng quan trọng mà từ đây Huy Cận đã nhận ra: “*Lòng ta mê biển tự sơ sinh*”, để mà suốt hơn nửa thế kỷ đời và thơ, nhà thơ đã luôn vui buồn cùng biển.

2.2. Biển trong thơ Huy Cận sau cách mạng

Về thơ Huy Cận nói chung và đặc biệt về cảm hứng vũ trụ cũng như thơ biển của ông, phải kể đến mốc năm 1958, khi nhà thơ đi thực tế ở vùng mỏ Quảng Ninh. Đây là một bước ngoặt dẫn đến những biến đổi sâu sắc trong hồn và trong thơ ông. Huy Cận vốn đã có một tình yêu biển “*tự sơ sinh*”, nay về với thợ mỏ và dân chài, về với biển thực, tình yêu ấy càng trở dậy mạnh mẽ. Điều này thể hiện ở tần số xuất hiện của biển trong các tập thơ. Ngay tập thơ đầu sau cách mạng ***Trời mỗi ngày lại sáng***, Huy Cận đã nhắc đến biển 35 lần trong 18/56 bài. Liên đó là tập ***Đất nở hoa***, biển xuất hiện 42 lần. Biển được nhắc đến nhiều nhất trong tập ***Ngày hằng sống, ngày hằng thơ***, với 56 lần trong 21/51 bài thơ. Đặc biệt trong bài ***Biển giàu biển đẹp***, biển xuất hiện tới 24 lần.

Biển hôm nay đã khác, nó âm áp, thân mật hơn. Huy Cận đã thực sự khắc họa được những bức tranh về biển và con người ở biển với những nét vẽ khỏe khoắn, khoáng đạt. Đi cùng với ***Đoàn thuyền đánh cá***, nhà thơ như đưa ta vào một thế giới kỳ diệu đầy bí ẩn của biển. Sức sống của thiên nhiên và sức mạnh của con người như chạy đua với nhau trong một cuộc thi cân sức và đẹp mắt: “*Thuyền ta lái gió với buồm trăng – Lướt giữa mây cao với biển bằng*”. Chiếc thuyền – đại diện cho con người đã trở thành một bộ phận của thiên nhiên, như gió, như sao, như mây, như sóng... Sự chuyển vận của tạo vật, của biển từ hoàng hôn đến đêm thật hùng vĩ khi “*Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi*”. Ta còn gặp những hình ảnh đẹp như thế trong: *Những người kéo lưới; Đội thuyền Trà Cổ; Những bạn chài hạ thuyền xuống nước...* Những bài thơ này cho thấy, Huy Cận đã vô cùng thấu hiểu cuộc sống ở biển và cuộc sống của những người dân chài. Đúng như Xuân Diệu đã nói: “*nhà thơ có cái linh khiếu thấu hiểu dân chài biển từ bao nhiêu đời*” (4, tr.58). Không chỉ những người dân chài, cả những người đang làm nhiệm vụ bên biển cũng hiện lên với tư thế vững chãi và tầm vóc cao lớn hơn (***Thái Văn A trên đỉnh chòi quan sát đảo Cồn Cỏ, Bài ca đi thấp đèn trên biển***). Chính cái rộng lớn của biển đã nâng tầm vóc của con người lên với chiều kích của vũ trụ.

Say lòng người cộng hưởng với cái say của đất trời, say của biển đã cho ta những vần thơ mỹ lệ về một biển đẹp, biển vui trong ngày mới (***Trước vịnh Hạ Long một chiều, Dạo trên bờ biển, Chị ngồi khâu lưới...***). Nếu trước cách mạng ta thấy những “*đảo con con*” lạc loài giữa “*cô sấu biển rộng*”, thì bây giờ ta sẽ gặp những hình ảnh hoàn toàn khác:

- *Sóng chiều xô tới dạt dào*
- Mây về, dãy đảo xích vào theo mây*
- *Nghe gió thúc, biển dạt dào*

Đảo xa từng cụm chụm vào bình minh (Bình minh ở đảo)

Đảo không còn đứng riêng lẻ, cô đơn, rợn ngợp trước cái mênh mông của biển nữa. Chúng xích lại gần nhau “trùng trùng điệp điệp”, nối liền những bên bờ thân mật. Nếu trước kia, nước tràn từ những cơn mưa làm cho không gian lạnh lẽo thì nay, những cơn mưa trên biển lại cho ta cảm giác ấm áp, mát lành, tươi tốt:

Thuyền đậu, thuyền đi hạ kín mũi

Lua thưa mưa biển, ấm chân trời (Mưa xuân trên biển)

Mưa đêm trên biển cũng được thi nhân cảm nhận như “tiếng hát”, như âm thanh “họa đàn” của “trời đất rộng”. Và những âm thanh ấy như mang gì đó về từ thuở “sơ khai” của biển, của đất trời, vũ trụ để thi nhân phải lắng tai nghe.

Với Huy Cận, cái bí ẩn, rộng lớn, vô hồi vô hạn của biển luôn khơi gợi trong hồn thi nhân những chuyển vận vĩnh hằng của sự sống và vũ trụ. Cảm giác từ biển cũng chính là “Cảm giác vũ trụ, cảm giác về sự sống, về sự sáng tạo vô hồi vô hạn của vũ trụ, của vật chất, của đất trời. Cảm giác về sự lớn lao lồng lộng của con người trong vũ trụ sinh hóa vô hạn vô hồi đó. Cảm giác Biển và cảm giác Đất hòa lẫn trong nhịp thở, trong nhịp máu của ta” (Đi dọc bờ biển)(3,tr.11). Những trạng thái, những hình hài của biển bao giờ cũng mang tới cho tâm hồn thi nhân những thông điệp từ vũ trụ. Đây là biển như kết tinh sự sống nguyên sơ trong thời gian vĩnh viễn:

Trưa chói trong lòng biển thăm sâu

Biển vang vang sức sống ban đầu

Buồm ai chấp chới ngoài xa biếc

Hay bướm vừa ra thoát kén nâu. (Biển trưa)

Đi Dạo trên bờ biển, thi nhân nghe được những âm thanh ngậm của biển, của sự sống đang lên triều dào dạt: “Sóng nói điều chi mãi chẳng thôi - Tiếng riêng tạo hóa nói cùng người - Dạt dào sự sống rằng không mới - Trong, mặn làm nên nụ sóng cười”. Và chính vì sự sống vĩnh viễn của biển mà năm Bên biển, người chẳng bao giờ “Nghĩ chuyện tàn phai nhện hết tơ – Biển thở nồng say hương vĩnh viễn – Dạt dào bên bãi nhịp nôi đưa”. Biển đã có trong vũ trụ và trong cuộc đời tự bao giờ không ai biết, chỉ biết rằng nó đã chứng kiến đổi thay của lịch sử bao đời, của bao số phận con người (Năm người con gái anh hùng Cẩm Phả, Chị ngòi khâu lưới).

Về với biển, Huy Cận như tìm về với cội nguồn của dân tộc: “Thuở ban đầu đất nước mẹ Âu Cơ lên rừng mở cõi, cha Lạc Long Quân tìm về biển lớn” (Đi dọc bờ biển). Về với biển, thi nhân như được đắm mình vào sức sống ban đầu, nguyên sơ nhất của thiên nhiên tạo vật (Trước vịnh Hạ Long một chiều, Một đêm thức trong mưa bão...). Bởi vì biển chính là quê hương, là cái nôi nghìn đời của sự sống: “Lao xao vũ trụ chồi

đang nhú". Nhà thơ đã thu nhận được những âm thanh âm thầm mà rạo rực ấy chính là từ *Tiếng biển về khuya*.

Cái vô hồi vô hạn của biển là một xúc tác nhạy, luôn thức dậy ở thi nhân những tầng triết lý nhân sinh:

*...Nằm bên biển chẳng bao giờ
Nghĩ chuyện tàn phai nhện hết tơ.
Biển thở nồng say hương vĩnh viễn
Đúc nên xanh biển mượt mà thơ. (Bên biển)
- Sóng trắng kiên tâm phỏ đá bờ
Bài ca nồng mặn thực và mơ
Ta nằm lục địa, hồn hong biển
Mắt cá vào chân tự thưở xưa. (Thêm lục địa)*

Lòng người muốn hóa thân vào sức sống vĩnh viễn của biển mà không được, nhưng người lại tự hào khi "*Mắt cá vào chân tự thưở xưa*". Như vậy, trong thời gian sống của mỗi con người có thời gian tồn tại của biển, trong sức sống của con người cũng có sức sống của biển. Ngược lại, biển như hiện thân của sự sống người. Biển sống cuộc sống người và người sống bằng cuộc đời của biển. Một cảm thông kỳ vĩ và kỳ diệu:

*Hai bờ sóng chết đời ru vãng
Trăng rộng, triều xa, gió cảm thông.*

Biển là nơi biểu hiện rõ nhất của rộng, xa mà với Huy Cận thì rộng xa là cõi của cảm thông. Thơ biển hay của Huy Cận thuộc về những cảm xúc ông lấy từ bản thân biển. Cái hay của triết lý rộng xa, sâu thẳm, vừa có cái dào dạt của sóng, vừa có cái mặn mòi của muối. Là biển và cũng là đời, thấm thía từ trong bản chất:

*Trời sao trên biển, biển nhân sao
Ngủ trên bờ, đời nhân chiêm bao (Trời sao trên biển)*

Dường như ban đêm chính là thế giới riêng của vũ trụ, là khi mà vũ trụ bộc lộ hết những bí ẩn của mình. Hẳn cũng vì thế mà đêm đến, cảm quan lắng nghe của Huy Cận thính nhạy hơn lên rất nhiều. Nhà thơ nghe được tiếng gió khuya nhẹ như thầm, nghe được tiếng mạch đập của vũ trụ từ bốn bề rộn rã...và yêu, gắn bó với biển đến thế, tất nhiên thi nhân cũng thường lắng nghe *Tiếng biển về khuya*: "*Tiếng biển về khuya như tiếng lụa – Non tơ, êm ả lại bền hơi*". Biển đêm cũng dữ dằn khi *Vào mùa giông bão*, khi người cùng biển *Một đêm thức trong mưa bão* ...Nhưng dường như về đêm, biển có sức hấp dẫn và sức gọi kỳ lạ với thi nhân. Bởi vì dù đi đâu, thi nhân vẫn nhớ *Đêm về với*

*biển, để lắng nghe bản nhạc *Mưa đêm trên biển*, để có thể thỏa thích ngắm nhìn *Trời sao trên biển*...*

Biển dịu dàng được Huy Cận cảm nhận như ngôi nhà lớn của con người. Về với biển nhà thơ như trở về ngôi nhà của mình. Ngôi nhà ấy trên mặt đất, trước nhà là thềm lục địa và nối liền với thềm là *sân biển soi*.

Nơi ấy tâm hồn nhà thơ tiếp nhận được sự âm vang đất trời và âm vang cuộc đời từ hai phía:

*Nửa ra biển mới, nửa vào đất xưa
Thân ta vũ trụ làm bờ
Vô hồi vô hạn chiều thơ dạt dào (Đi dọc bờ biển)*

Biển – ngôi nhà, còn được thi nhân cảm nhận cụ thể hơn trong *Biển giàu, biển đẹp*:

*Hôm nay ta đi vào lòng sâu của biển
Vào từng căn, từng ngăn thăm kín
Như phòng riêng đôi lúa
Như nhà mẹ cha cho làm của hồi môn*

Ngôi nhà ấy mới gần gũi, âm cúng và thân mật biết bao. Đây là một sự chuyển hóa nhuần nhị từ biển đến ngôi nhà. Và với một ngôi nhà như thế thì dù có “*đi khắp núi, khắp đồng*”, cuối cùng thi nhân cũng “*Lại về ngủ biển, nằm trong dạt dào*” (*Đêm về với biển*). Vì nơi ấy có “*Biển sóng làm nôi*” nâng đỡ *Giấc ngủ* cho nghìn người.

Huy Cận tìm những hình tượng khác nhau để nói về biển. Biển có khi được gọi đích danh, có khi lại là các hình ảnh biến thể của nó: Là muối “*Muối ơi! – Từ lòng biển muối về đọng lại (...)* *Như nụ cười nghìn năm của biển – Muối nồng thơm, mặn chát – Muối tình yêu thứ nhất mà biển lớn cho ta*” (*Muối, Quê muối quê than*); có khi là *Thuyền*: “*Tình của nước xanh, của nước hồng – Thuyền cao dong dỏng gió tràn hông – Buồm giăng làm cánh, chim bay tỏa – Lườn rẽ sóng làm cá biển đông*”. Biển có khi là thực, có khi lại mang ý nghĩa tượng trưng: “*Ta là biển của nhau rồi – Vừa làm biển lại làm đôi thuyền bông*” (*Đôi thuyền*)... Nếu như vũ trụ có thể cài vào những chuyện hàng ngày thì biển cũng đi vào trong tình cảm cha con: “*Bố đứng nhìn biển cả - Con xếp giấy thả diều – Bố trời chiều bóng ngả - Con sóng sớm bùng reo*” (*Bố đứng nhìn biển cả*); “*Bố ngủ bên con, biển với sông – Sông tuôn nguồn trẻ, biển nuôi dòng – Bố con nằm giữa nôi trời đất – Một dải ngân hà đưa võng chung*” (*Trời sao trên biển*).

Trong hồn Huy Cận có một tình yêu vô cùng mãnh liệt, nồng cháy với biển và vì thế mà nhà thơ luôn muốn phải thổ lộ trực tiếp với đất trời, với mọi người và với biển: “*Tình yêu lớn dạt dào biển cả*” (*Biển giàu biển đẹp*); “*Tình yêu lớn là tình yêu biển cả - Mặt*

trời cao trái chín vàng treo” (Biển). Bởi biển vào thơ và biển cũng là thơ: “Năm mươi lăm tuổi bước trên bờ - Sóng vỗ nền cho những nhịp thơ - Sóng vỗ, lòng ta vang tổ khúc - Những vui nay với những buồn xưa” (Biển ơi, ta trở về); “Gió thổi vùn bồng, sóng dồi vùn trức - Chiếc võng thơ giữa hai đầu dậu dặt” (Ngày thu trong). Nếu như Xuân Diệu đòi hỏi trong tình yêu là: “Yêu tha thiết, thế vẫn còn chưa đủ - Phải nói yêu trăm bận đến nghìn lần” thì Huy Cận đòi hỏi ở mình, phải thường trực một tình yêu nồng nàn với biển. Nhà thơ như sợ mọi người, sợ biển quên mất hay không biết đến mối tình của mình với biển nên cứ luôn khẳng định: “Lòng ta tin biển, biển yêu ta - Sóng nở hoa nhài vương vãn bờ - Bát ngát tình yêu trong vũ trụ - Đúc nên xanh biển mượt mà thơ” (Bên biển). Tình yêu ấy còn là tình yêu ruột thịt: “Ta, biển sinh đôi tự khi nào? - Sóng ngậm bao đợt nhói lòng đau”. Vì vậy mà Huy Cận cứ luôn nhắc lại mãi: “Biển vùng đông của đời ta - Biển bình minh xanh biếc (Biển giàu biển đẹp); “Biển mệnh mông hừng đông cuộc đời - Biển là vông đẹp - Biển là nôi” (Biển). Huy Cận nhớ đến biển giống như Xuân Quỳnh nhớ người yêu “Cả trong mơ còn thức”: “Có những chiêm bao lạ - Thấy bay vượt biển dài - Sóng chồm lên mắt cá - Biển ngợp, không rùng vai” (Chiêm bao). Có lúc thi nhân đã tự hỏi: “Ai rót cho lòng mãi biển say - Ta say rượu mạnh ánh trưa ngày - Ta say sức biển muôn đời trẻ - Lưng đất triều lên bấp bệch đây” (Biển trưa). Nhưng cũng giống như tình yêu nam nữ vậy, mấy ai giải thích được tình yêu là vì đâu? Vì cái gì?

Luôn mang trong hồn một “Biển tình mới và tình xưa bất diệt”, đã quá nửa đời người, Huy Cận vẫn tha thiết với biển: “Ta viết bài thơ gọi biển về - Nghìn năm dào dạt sóng say mê” (Ta viết bài thơ gọi biển về) nhà thơ mong ước “Biển ơi, ta trở về bên biển - Quá nửa đời rồi sóng vẫn lên(...)Ta nghe ý sóng từ thơ bé - Một nửa tràn vui, nửa quặn đau” (Biển ơi, ta trở về). Hơn thế, nhà thơ có một ước nguyện:

Rồi một ngày kia hết ở đời

Cho ta theo biển khóa chân trời

Điều chi chưa nói xin trao sóng

Lấp lánh hồn ta mặn gió khơi. (Ta viết bài thơ gọi biển về)

Với Huy Cận, cảm hứng về biển là cảm hứng vũ trụ nhưng đồng thời là cảm hứng cuộc đời. Nhà thơ viết về biển cũng là viết về sự sống, về đất nước, quê hương, về con người trong cõi trần gian. Về với biển là nhà thơ được nghe tiếng nói, lời ca, hơi thở của biển và sự sống dào dạt:

Sóng nói điều chi mãi chẳng thôi

Tiếng riêng tạo hóa nói cùng người

Dạt dào sự sống rằng